| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN N**<br>TỈNH ĐỒNG NAI | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |

Bản án số:109/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25- 08 -2023
V/v: " *Ly hôn* "

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Tiến Nghĩa.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Bà Lê Thị Kim Xuyến

2. Ông Hoài Đức Huệ

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2023/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc "*Ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 703/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 07 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 766/2023/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 08 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1991; HKTT: Ấp 3, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Nơi ở hiện nay: 559/17 đường Hùng Vương, khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị G**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

*(Các đương sự vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 03 năm 2022, bản tự khai ngày 06 tháng 03 năm 2023 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, anh Nguyễn Văn T trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 62 ngày 29/7/2019. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng ở với nhau tại ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nhiều lần ngồi lại với

nhau để hàn gắn hôn nhân nhưng vẫn không thành, nguyên nhân chính do chị G không quan tâm đến gia đình, công ăn việc làm không có, tụ tập ăn nhậu với nhiều mối quan hệ bất chính. Nhiều lần anh T và gia đình khuyên can nhưng chị G không thay đổi. Thấy cuộc sống bế tắc như trên nên hiện nay hai anh chị đã ly thân được khoảng 02 năm. Nay anh T xác định tình cảm không còn, vợ chồng không còn yêu thương nhau nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ được nên Anh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị G.

- Về con chung: Anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc ở xa không thể đến tham gia phiên tòa nên Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn chị Phạm Thị G: Chị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị G.

**Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của anh T là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận cho Anh T được ly hôn với chị G. Về con chung: Không có con chung nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Anh T phải nộp án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1].** Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Phạm Thị G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử theo quy định.

**[2].**Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Anh Nguyễn Văn T xin ly hôn với chị Phạm Thị G. Chị G hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định là "*Ly hôn* ". Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T, bị đơn là chị Phạm Thị G.

**[3].** Về yêu cầu khởi kiện:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị G chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 62 ngày 29/7/2019 nên căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh T và chị G phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống riêng mà không có sự quan tâm nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị G để tham gia các buổi làm việc, hòa giải, phiên tòa nhưng chị G đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ chị G không có thiện chí làm việc, không tạo cơ hội để vợ chồng hòa giải, đoàn tụ; trong khi đó anh T xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với chị G và kiên quyết xin ly hôn. Vì vậy, đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh T ly hôn chị G theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

3.2. Về con chung: Anh T và chị G trong quá trình chung sống không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3.3. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.4. Nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[4].** Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T về việc: "*Ly hôn*" với chị Phạm Thị G.

**Tuyên xử:**

**1.**Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Phạm Thị G.

**2.** Về con chung: Không có nên Tòa án không xem xét.

**3.** Về tài sản chung: Không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

**4.** Nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

**5.**Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà Anh T đã nộp theo biên lai thu số 0009781 ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Anh T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**5.** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Tiến Nghĩa**